

Trường: Trường MN Hoa Phượng Vàng

Bộ phận: Bán trú

BẢNG CÔNG KHAI THỰC PHẨM HÀNG NGÀY

Ngày: 4/11/2025 Số học sinh: 434 phần ăn/ngày 24.000 đ

Tiền tồn ngày hôm trước chuyển qua	Thu trong ngày	Tổng thu	Chi tiền ăn (23.600đ)	Nước uống HS (400đ)	Tổng chi
694.080	10.416.000	11.110.080	10.936.480	173.600	11.804.160
STT	Tên thực phẩm/gia vị, khác...	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền
	Gia vị				230.500
1	Muối hạt	Kg	1,00	6.000	6.000
2	Muối I ốt	Kg	0,50	6.000	3.000
3	Nước mắm	Lít	1,00	22.000	22.000
4	Đường Cô ba	Kg	0,50	26.000	13.000
5	Bột ngọt 1,8 kg	Kg	0,50	82.000	41.000
6	Hạt nêm	Kg	0,50	68.000	34.000
7	Dầu ăn	Lít	1,00	53.000	53.000
8	Bột canh	Kg	0,40	25.000	10.000
9	Hành khô	Kg	0,40	80.000	32.000
10	Tỏi	Kg	0,30	55.000	16.500
	Bữa trưa				8.807.080
01	Gạo trắng	Kg	39,06	18.000	703.080
02	Thịt bò	Kg	27,50	245.000	6.737.500
03	Thịt heo	Kg	4,00	115.000	460.000
04	Cà rốt	Kg	9,00	22.000	198.000
05	Khoai tây	Kg	9,00	22.000	198.000
06	Rau ngọt	Kg	13,00	35.000	455.000
07	Bò kho	Gói	4,00	12.000	48.000
08	Sả	Kg	0,50	15.000	7.500
	Bữa Xế				1.898.900
01	Xương heo	Kg	14,00	100.000	1.400.000
02	Cà chua	Kg	3,00	23.000	69.000
03	Cà rốt	Kg	2,5	22.000	55.000
04	Củ cải	Kg	2	15.000	30.000
05	Hành lá	Kg	0,356	25.000	8.900
06	Nui trắng	Kg	12	28.000	336.000
Cộng chi ăn trong ngày					10.936.480

Bằng chữ: Mười triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn bốn trăm tám mươi đồng

Tồn cuối ngày: - Đ

Hiệu trưởng

Phụ trách bán trú

Kế Toán

Người lập bảng

Lê Thị Nguyên

Vũ Thị Thanh Thúy

Đào Thị Thúy Hằng

Nguyễn Thị Hồng Nghĩa